

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập tốt nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Practice to graduate

Trình độ: Đại học

Mã học phần: 100713

Mã tự quản: 11294072

Thuộc khối kiến thức: Học kỳ doanh nghiệp

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Luật, Khoa Luật

Số tín chỉ: 7 (0,7)

Phân bố thời gian:

- Số tiết lý thuyết : 00 tiết
- Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 210 tiết
- Số giờ tự học : 105 tiết

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Các học phần cơ sở ngành và ngành chính
- Học phần song hành: Không

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT	Họ và tên	Email	Đơn vị công tác
1	TS. Nguyễn Nam Hà	hann@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
2	TS. Lương Khải Ân	anlk@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
3	PGS.TS. Hồ Xuân Thắng	thanghx@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
4	TS. Lê Thị Minh Thư	thultm@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
5	TS. Hà Thị Hồng Thắm	thamhth@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
6	TS. Nguyễn Thị Hương	huongnt@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
7	TS. Phạm Hoàng Linh	linhph@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
8	ThS. Nguyễn Thị Huyền	huyennt@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
9	ThS. Nguyễn Thị Thái	thaint@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
10	ThS. Trần Thùy Liên	lientt@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
11	ThS. Nguyễn Phước	phuocn@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
12	ThS. Lê Thị Đào	daolt@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
13	ThS. Nguyễn Thị Dung	dungnt@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT

14	ThS. Nguyễn Đình Sinh	sinhnd@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
15	ThS. Thái Thị Mai Chân	chanttm@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
16	ThS. Mai Lan Phương	phuongml@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT
17	ThS. Lê Vĩnh Sơn	sonlv@huit.edu.vn	Khoa Luật – HUIT

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp người học tiếp cận với thực tiễn công tác chuyên môn nghiệp vụ pháp luật tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật. Người học rèn luyện kỹ năng thực hành nghề luật và tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn của nghề luật. Người học vận dụng kiến thức pháp lý để giải quyết các vụ việc thực tế, đánh giá được những điểm phù hợp và chưa phù hợp giữa lý luận và thực tiễn nghề nghiệp, rút ra được bài học kinh nghiệm cho bản thân, là cơ sở quan trọng để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	Tổ chức thực hiện được các thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính, giải quyết được công việc chuyên môn nghề luật tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật	PLO1.1 PLO1.2	4
G2	Áp dụng được kiến thức pháp luật kinh tế để giải quyết các tranh chấp kinh tế	PLO4.1 PLO5.2	3
G3	Phối hợp được kiến thức và các kỹ năng để đánh giá được hoạt động tổ chức, thực hiện, giám sát, kiểm tra công tác chuyên môn nghiệp vụ pháp luật tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật.	PLO6.1 PLO7.2	4
G4	Áp dụng thành thạo được các kiến thức pháp luật để giải quyết được các vấn đề chuyên môn có liên quan trong thực tiễn.	PLO9.1 PLO10.2	4
G5	Thiết lập được các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công sở như: có kỹ năng giao tiếp, có kỹ năng ứng xử và làm việc nhóm, có kỹ năng soạn thảo văn bản...	PLO15.2	4
G6	Xây dựng và hình thành nhận thức đúng đắn về việc nâng cao các kỹ năng trong quá trình tham	PLO14.1	5

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]	Trình độ năng lực [4]
	gia tư vấn pháp luật		

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CDR) chi tiết của học phần (*) như sau:

Mục tiêu học phần[1]	CDR học phần [2]	Mô tả CDR [3]	Trình độ năng lực [4]
CLO1(*)	CLO1.1	Áp dụng được kiến thức pháp luật kinh tế trong thực tiễn	4
	CLO1.2	So sánh được những điểm phù hợp và chưa phù hợp giữa kiến thức lý luận và thực tiễn nghề nghiệp	4
	CLO1.3	Phân tích, đánh giá tính hiệu quả của qui trình, thủ tục giải quyết công việc trong lĩnh vực pháp luật kinh tế	4
CLO2(*)	CLO2.1	Tư vấn các giải pháp, biện pháp để giải quyết các vụ việc phức tạp trong lĩnh vực pháp luật kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân	3
	CLO2.2	Khởi nghiệp nghề luật, tổ chức công việc nghề luật	3
	CLO2.3	Tổ chức, thực hiện, kiểm tra, đánh giá công việc chuyên môn nghề luật	3
	CLO2.4	Truyền đạt các vấn đề cần giải quyết và giải pháp thực thi trong lĩnh vực pháp luật kinh tế	3
	CLO2.5	Phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng thực hành nghề luật trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực luật kinh tế	3
CLO3(*)	CLO3.1	Thực hiện công việc chuyên môn nghề luật độc lập, theo nhóm và ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với kết quả thực hiện công việc	4
	CLO3.2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện	4

Mục tiêu học phần[1]	CĐR học phần [2]	Mô tả CĐR [3]	Trình độ năng lực [4]
		nhiệm vụ xác định	
	CLO3.3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	4
	CLO3.4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động phục vụ công tác chuyên môn nghề luật	4
CLO4(*)	CLO4.1	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề.	4
	CLO4.2	Có khả năng soạn thảo các văn bản pháp luật	4
CLO5(*)	CLO5.1	Tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng tìm tòi, phân tích, đánh giá các tình huống thực tế.	4
	CLO5.2	Có tinh thần thượng tôn pháp luật.	4
CLO6(*)	CLO6.1	Có phẩm chất đạo đức, tôn trọng đồng nghiệp, có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm công việc tại nơi làm việc	5
	CLO6.2	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân	5

(*) Các CĐR học phần được xây dựng dựa trên việc tham khảo 1982/QĐ-TTg- Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ đại học do Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

6.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]

			Tổng	Lý thuyết	TL/TH	Tự học
1	Tổng quan về đơn vị thực tập	CLO1(*)	45	0	30	15
2	Thực trạng công việc chuyên môn nghiệp vụ nghề luật tại đơn vị thực tập	CLO1(*); CLO2(*); CLO3(*); CLO4(*); CLO5(*)	225	0	150	75
3	Bài học kinh nghiệm	CLO6(*)	45	0	30	15
Tổng			315	0	210	105

6.2. Nội dung chi tiết

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn chuyên đề Báo cáo TTTN
2. Kết cấu của Báo cáo TTTN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ <ĐƠN VỊ THỰC TẬP>

1.1. Giới thiệu về đơn vị thực tập

- 1.1.1. Thông tin chung về <đơn vị thực tập>
- 1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển
- 1.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành
- 1.1.4. Sơ đồ tổ chức của <tên đơn vị thực tập>
- 1.1.5. Chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động

1.2. Hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động chuyên môn nghề luật của <đơn vị thực tập>

- 1.2.1. Văn bản qui phạm pháp luật
- 1.2.2. Văn bản quản lý hành chính

1.3. Vị trí công việc chuyên môn nghề luật trong <đơn vị thực tập>

- 1.3.1. Lãnh đạo / Quản lý, điều hành (Chánh án / Viện trưởng / Giám đốc / Trưởng văn phòng luật sư /....)
- 1.3.2. Các vị trí chuyên môn nghề luật (Thẩm phán / Kiểm sát viên / Chấp hành viên / Thư ký / Luật sư /

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NGHỀ LUẬT TẠI <ĐƠN VỊ THỰC TẬP>

2.1. Hoạt động chuyên môn nghề luật

2.1.1. Nhân sự nghề luật

2.1.2. Khối lượng công việc chuyên môn nghề luật

2.1.3. Kết quả hoạt động chuyên môn nghề luật (*ít nhất trong 2 năm*)

Ghi chú: Nếu sinh viên thực tập tại những cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật mới thành lập thì phân tích theo thời gian hoạt động thực tế.

2.2. Thực tế công việc chuyên môn nghề luật sinh viên được thực tập

2.2.1. Mô tả công việc chuyên môn nghề luật được thực tập (tên gọi, nhiệm vụ, trách nhiệm, phạm vi quyền hạn)

2.2.2. Quy trình thực hiện công việc chuyên môn nghề luật được giao (vẽ quy trình, mô tả từng bước)

2.3. Đánh giá công việc chuyên môn nghề luật được giao (kết quả theo từng bước công việc)

2.3.1. Thuận lợi trong thực hiện công việc chuyên môn nghề luật

2.3.2. Khó khăn trong thực hiện công việc chuyên môn nghề luật

2.3.3. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc chuyên môn nghề luật

CHƯƠNG 3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

3.1. Nhận xét

3.1.1. Nhận xét chung về <đơn vị thực tập>

3.1.2. Nhận xét về <bộ phận thực tập>

3.1.3. Nhận xét về thực trạng công việc chuyên môn nghề luật được giao (ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc)

3.2. Bài học kinh nghiệm

3.2.1. Bài học kinh nghiệm về qui trình thực hiện công việc chuyên môn nghề luật

3.2.2. Bài học kinh nghiệm về kỹ năng

3.2.3. Bài học kinh nghiệm về thái độ

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Nhóm CDR của học phần			
		Kiến thức	Kỹ năng cá nhân	Kỹ năng làm việc nhóm	Năng lực tự chủ
		CLO1(*); CLO2(*)	CLO3(*); CLO4(*)	CLO5(*)	CLO6(*)
Thuyết trình	Lắng nghe, ghi chép, ghi nhớ và đặt câu hỏi	X			
Minh họa	Quan sát, ghi chép, đặt câu hỏi	X			
Vấn đáp	Vấn đáp	X	x		X
Bài tập tình huống (bài tập)	Đọc tài liệu, thảo luận và giải quyết tình huống	X	x	x	X
Hướng dẫn người học tìm kiếm, đọc tài liệu và kiểm tra kiến thức	Tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, tóm tắt, đặt câu hỏi làm rõ, và làm bài tập, kiểm tra	X			X

8. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Nội dung đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra	Tỉ lệ (%)	Rubrics
QUÁ TRÌNH			10	
Thái độ thực tập và chuyên cần	Suốt quá trình thực tập	CLO1(*)	10	Rubrics chuyên cần
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP			90	
Báo cáo TTTN:	Sau khi kết	CLO1(*)	90	Theo

Nội dung đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra	Tỉ lệ (%)	Rubrics
<ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu - Nội dung - Kết luận - Hình thức báo cáo 	thức thực tập	CLO2(*); CLO3(*); CLO4(*); CLO5(*); CLO6(*)		thang điểm của BC TTTN

9. NGUỒN HỌC LIỆU

9.1. Sách, giáo trình chính

[1] Khoa Luật - Hướng dẫn thực hiện học phần Thực tập tốt nghiệp, Trường Đại học Công Thương TP.HCM (2025)

9.2. Tài liệu tham khảo

9.2.1. Sách chuyên khảo

[1] Trương Nhật Quang - Kỹ năng hành nghề luật sư tư vấn, NXB. Lao Động, Hà Nội (2017);

[2] Nguyễn Hữu Phước - Hướng dẫn khởi nghiệp với nghề Luật sư, NXB. Tổng hợp TP.HCM (2017);

[3] JICA (Nhật Bản) tại Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam - Sổ tay Luật sư, Tập 1, Tập 2, Tập 3, NXB. Chính trị sự thật, Hà Nội (2018);

[4] Học viện tư pháp - Giáo trình luật sư và nghề luật sư, NXB. Tư pháp, Hà Nội (2018);

[5] Học viện tư pháp - Giáo trình Kỹ năng cơ bản của Luật sư tham gia giải quyết vụ việc dân sự, NXB. Tư pháp, Hà Nội (2018).

[6] Học viện tư pháp - Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của Luật sư trong việc giải quyết các vụ án dân sự, NXB. Tư pháp, Hà Nội (2018).

[7] Học viện tư pháp - Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ án hành chính - Phần cơ bản, NXB. Tư pháp, Hà Nội (2018).

[8] Học viện tư pháp - Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ án hành chính - Phần chuyên sâu, NXB. Tư pháp, Hà Nội (2018).

[9] TS. Nguyễn Văn Tuấn - Tìm hiểu về Luật sư và nghề Luật sư - Câu hỏi và bài tập tình huống, NXB. Hồng Đức, Hà Nội (2017);

[10] Nguyễn Hoàng Trung Hiếu - Nghệ thuật hành nghề Luật sư, NXB. Thanh niên, Hà Nội (2017);

[11] LS. Nguyễn Ngọc Bích - Tư duy pháp lý của Luật sư, NXB. Trẻ (2015);

[12] Học viện Tư Pháp - Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp (Phần chuyên sâu), NXB. Tư pháp, Hà Nội (2016);

[13] TS. Phan Chí Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga - Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật, NXB. CAND, Hà Nội (2012);

[14] Nguyễn Ngọc Điệp - Cẩm nang soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng Dân sự, Kinh tế, Lao động, NXB. Lao động, Hà Nội (2018);

[15] Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp - Từ điển Luật học, NXB. Tư pháp (2006);

9.2.2. Văn bản qui phạm pháp luật:

[17] Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

[18] Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

[19] Bộ luật Dân sự năm 2015;

[20] Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

[21] Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung các năm 2014, 2022);

[22] Luật Tố tụng hành chính 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

[23] Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2019);

[24] Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung các năm 2022, 2025);

[25] Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung các năm 2022, 2024);

[26] Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012);

[27] Luật Công chứng năm 2024;

9.3. Phần mềm. Không

10. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Người học có nhiệm vụ:

- Tham dự 100% giờ học thực tập;
- Chủ động lập kế hoạch thực tập, ghi nhật ký thực tập cá nhân;
- Đọc trước tài liệu hướng dẫn thực tập của Khoa Luật;
- Đọc tài liệu tham khảo trong quá trình thực tập;
- Tham gia tích cực vào công tác chuyên, nghiệp vụ tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành đầy đủ, trung thực và sáng tạo bài báo cáo thực tập theo yêu cầu của Khoa Luật;
- Báo cáo kết quả thực tập tại Khoa Luật.
- Người học chủ động liên hệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật để thực tập hoặc theo sự giới thiệu của Nhà trường, Khoa Luật.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đại học ngành Luật kinh tế Khoa Luật từ khóa 13DH, năm học 2022 - 2023;

- Giảng viên: sử dụng đề cương này để làm cơ sở cho việc chuẩn bị bài giảng, lên kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học;

- Lưu ý: Trước khi giảng dạy, giảng viên cần nêu rõ các nội dung chính của đề cương học phần cho người học – bao gồm chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy và học chủ yếu, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo dùng cho học phần;

- Người học: sử dụng đề cương này làm cơ sở để nắm được các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định được phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi.

12. PHÊ DUYỆT

Phê duyệt lần đầu

Ngày phê duyệt: 15/08/2022

Trưởng khoa

TS. Lương Khải Ân

Phê duyệt bản cập nhật lần thứ:

Ngày cập nhật: 10/8/2025

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Nam Hà

Chủ nhiệm học phần

TS. Nguyễn Nam Hà